

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Phan Thu Trang** - Nghiên cứu định lượng mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài và thu nhập bình quân của người lao động trong doanh nghiệp ở các địa phương Việt Nam. **Mã số: 179.1TrEM.11** 3
Empirical Study on the Relationship Between FDI and Average Monthly Income of Employees in Enterprises at Vietnam Provinces
- 2. Lê Hoàng Vinh và Hoàng Ngọc Trang** - Tiền và các khoản tương đương tiền dưới góc độ quản lý tài chính: Trường hợp các công ty niêm yết tại Việt Nam. **Mã số: 179.1FiBa.11** 16
Cash and Cash Equivalents from the Financial Management Perspective: The Case of Listed Firms in Vietnam
- 3. Lê Xuân Cù và Phạm Minh Đạt** - Hành vi sử dụng phương tiện di chuyển xanh: tiếp cận từ lý thuyết tam và ảnh hưởng của môi trường. **Mã số: 179.TrEM.11** 28
Use Behavior Toward Green Vehicles: A Perspective of Tam and Environmental Effects

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 4. Trịnh Quốc Thái và Phan Quốc Tấn** - Mối quan hệ giữa kháng cự thay đổi và ý định nghỉ việc của nhân viên làm việc trong doanh nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh: vai trò trung gian của kiệt sức và nhận thức về sự hỗ trợ từ tổ chức. **Mã số: 179.2HRMg.21** 44
Relationship Between Resistance to Change and Turnover Intention: Mediating Role of Burnout and Perceived Organizational Support of Employees Working in Organizations in Ho Chi Minh City

- 5. Bùi Nhất Vương, Hà Nam Khánh Giao và Bùi Vũ Lương** - Tác động của trách nhiệm xã hội điểm đến lên ý định quay lại của khách du lịch quốc tế thông qua vai trò trung gian của chất lượng mối quan hệ: Bằng chứng thực nghiệm tại Thành phố Hồ Chí Minh. **Mã số: 179.2IEM.21** 59

The Impact of Destination Social Responsibility on International Tourists' Revisiting Intention Through the Mediating Role of Relationship Quality: Evidence from Ho Chi Minh City, Vietnam

- 6. Phạm Lê Thông, Nguyễn Phan Khánh Duy, Phạm Quang Khiêm, Võ Thanh Trúc, Nguyễn Hải Tiến và Bùi Nguyễn Hương Trà** - Ảnh hưởng của việc thực hiện trách nhiệm xã hội đến giá trị của các công ty xuất khẩu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. **Mã số: 179.2BAdm.21** 74

The Impact of Corporate Social Responsibility on Firm Value: the Case of Listed Export Companies on Ho Chi Minh Stock Exchange

- 7. Lưu Tiến Thuận, Nguyễn Hoàng Phúc, Đinh Thị Ngọc Hương và Nguyễn Thu Nha Trang** - Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự khác biệt về lợi nhuận trước và sau khi kiểm toán của các công ty niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) - Việt Nam. **Mã số: 179.2BAcc.21** 88

Factors Affecting the Difference in Net Profit Before and after Audit of Company Listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE) – Vietnam

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 8. Vũ Huy Thông, Vũ Hồng Hạnh, Vũ Mai Hương và Vũ Hồng Nhung** - Nghiên cứu ý định tiêm mũi tăng cường vaccine COVID_19 của người dân Hà Nội. **Mã số: 179.3OMIs.31** 102

Factors Affecting Hanoi Citizens' Intention To Take COVID_19 Booster Vaccine Dose

NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀ THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG VIỆT NAM

Phan Thu Trang
Trường Đại học Thương mại
Email: trang.pt@tmu.edu.vn

Ngày nhận: 10/03/2023

Ngày nhận lại: 29/05/2023

Ngày duyệt đăng: 05/06/2023

Bài viết nghiên cứu các yếu tố tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến thu nhập bình quân của người lao động trong doanh nghiệp ở các địa phương Việt Nam. Phân tích mẫu số liệu FDI và thu nhập bình quân của người lao động tại 60 địa phương trong giai đoạn 2010 - 2021, kết quả cho thấy: số lượng dự án FDI lũy kế còn hoạt động, tỷ lệ năng suất lao động (NSLĐ) khối FDI và địa phương, quy mô vốn bình quân của doanh nghiệp FDI có tác động tích cực nhất, ngược lại các yếu tố về tỷ trọng doanh thu và tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của các doanh nghiệp FDI có tác động âm tính đến thu nhập bình quân của người lao động trong doanh nghiệp địa phương. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra một số hàm ý đối với các doanh nghiệp Việt Nam, cũng như đối với các cơ quan nhà nước địa phương hữu quan, nhằm thu hút FDI chất lượng cao và nâng cao thu nhập bình quân của người lao động tại địa phương Việt Nam.

Từ khóa: Đầu tư trực tiếp nước ngoài, thu nhập của người lao động, địa phương, Việt Nam

JEL Classifications: F16

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) gắn với phát triển bền vững là một trong những mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung và tại các địa phương nói riêng những năm gần đây. Các nghiên cứu về vai trò của FDI đều khẳng định FDI có ảnh hưởng tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội ở tại thông qua mở rộng thị trường quốc tế, tạo công ăn việc làm, nâng cao năng lực kinh doanh sản xuất, tăng thu nhập và cải thiện mức sống dân cư (Li & Tanna, 2018; Javorcik và cộng sự, 2012; Abouelfarag & Abed, 2018; Yasin và cộng sự, 2022).

Cụ thể tại Việt Nam, theo Tổng cục Thống kê (2022), năm 2015, cả nước có 20.069 dự án FDI lũy kế còn hoạt động, với tổng 281,88 tỷ USD vốn đăng ký. Tính đến 2020, cả nước có 33.062 dự án FDI còn hiệu lực (tăng 64,7% so với 2015), với tổng vốn đăng ký 386,2 tỷ USD (tăng 37% so với 2015). Tương ứng, thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp đã tăng từ 6,9 triệu đồng/người/tháng (năm 2015) lên 9,547 triệu đồng/người/tháng (năm 2020), tương đương tăng 38,4% trong vòng 6 năm. Xét theo từng loại hình doanh nghiệp, báo cáo cho biết, thu nhập

bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp FDI cũng tăng 40% trong giai đoạn 2015 - 2020, từ 7,5 triệu đồng/người (năm 2015) lên 10,5 triệu đồng/người (năm 2020). Số liệu thống kê thực tiễn trên cho thấy mối quan hệ cùng chiều giữa FDI và thu nhập bình quân người lao động trong doanh nghiệp tại Việt Nam. Mặc dù vậy, vẫn cần nghiên cứu khoa học minh chứng mối quan hệ này, đặc biệt tại các địa phương nước ta.

Trong lý luận, các quan điểm lý thuyết khác nhau cũng được các nhà nghiên cứu sử dụng để giải thích mối quan hệ tích cực giữa FDI và thu nhập của người lao động. Quan điểm về năng suất lao động cho rằng: năng suất lao động tăng tại chính các doanh nghiệp FDI và tác động lan tỏa đến các doanh nghiệp trong nền kinh tế, sẽ dẫn đến thu nhập bình quân lao động tăng (Tintin, 2012; Javorcik và cộng sự, 2012). Quan điểm thị trường lao động thì cho rằng: khi các doanh nghiệp FDI tham gia sẽ làm cầu thị trường lao động tăng, dẫn đến điểm cân bằng cầu và mức thu nhập sẽ thay đổi; đồng thời người lao động sẽ có vị thế tốt hơn để thương lượng thu nhập; dẫn đến thu nhập của người lao động sẽ tăng lên (Bircan, 2013; Arnal & Hijzen, 2008; Seguino, 2007). Mặc dù vậy, vẫn có một số nghiên cứu thực nghiệm tìm ra quan hệ ngược chiều hay tác động tiêu cực của FDI đến thu nhập của người lao động tại nước nhận đầu tư (Majid, 2004; Javorcik và cộng sự, 2012; Chen và cộng sự, 2011; Nguyen và cộng sự, 2019). Điều này dẫn đến tính cấp thiết cần nghiên cứu chuyên sâu về mối quan hệ này, đặc biệt tại cấp độ địa phương trong phạm vi một quốc gia.

Đây cũng chính là nội dung nghiên cứu của bài viết này về mối quan hệ giữa FDI và thu nhập bình quân của người lao động trong doanh nghiệp tại các địa phương Việt Nam. Mục đích nghiên cứu nhằm làm rõ mối quan hệ này thông

qua phương pháp phân tích dữ liệu thời gian trong giai đoạn 2010 - 2020; từ đó đề xuất một số giải pháp thu hút FDI hiệu quả, có đóng góp tích cực vào thu nhập của người lao động địa phương tại Việt Nam.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Tổng quan về FDI

Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển UNCTAD (1999) định nghĩa FDI là “*một hình thức đầu tư liên quan đến mối quan hệ dài hạn của tổ chức, cá nhân ở quốc gia này (nước đầu tư FDI) vào một quốc gia khác (nước nhận FDI) bằng cách xây dựng các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại nền kinh tế đó*” (trang 465). Mục đích của việc này là nhằm đạt được các lợi ích bền vững và nắm quyền kiểm soát, quản lý lâu dài cơ sở kinh doanh đó. Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF (1993) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế OECD (1996) có quan điểm rằng đầu tư trực tiếp phản ánh mục đích thu được lợi ích lâu dài của một tổ chức, doanh nghiệp cư trú của một nền kinh tế (nhà đầu tư trực tiếp) trong một doanh nghiệp cư trú ở một nền kinh tế khác (doanh nghiệp đầu tư trực tiếp). Phạm trù “*lợi ích lâu dài*” ngụ ý sự tồn tại của mối quan hệ lâu dài giữa nhà đầu tư trực tiếp, doanh nghiệp FDI và mức độ ảnh hưởng đáng kể đối với việc quản lý của doanh nghiệp FDI. FDI liên quan đến cả giao dịch ban đầu nhằm thiết lập mối quan hệ giữa nhà đầu tư và doanh nghiệp cùng tất cả các giao dịch vốn tiếp theo giữa họ và giữa các doanh nghiệp trực thuộc, cả hợp nhất và không hợp nhất.

Bên cạnh đó, IMF (1993) và OECD (1996) làm rõ nhà đầu tư trực tiếp, có thể là một cá nhân, một doanh nghiệp tư nhân hoặc công cộng được thành lập hoặc không có tư cách pháp nhân, chính phủ, một nhóm các cá nhân có liên quan hoặc một nhóm các doanh nghiệp được thành lập và/hoặc

không có tư cách pháp nhân có liên quan có doanh nghiệp FDI, hoạt động ở một quốc gia khác với quốc gia cư trú của nhà đầu tư trực tiếp. Doanh nghiệp FDI là một doanh nghiệp được thành lập hoặc không có tư cách pháp nhân, trong đó nhà đầu tư nước ngoài sở hữu từ 10% trở lên cổ phần phổ thông hoặc quyền biểu quyết.

Một cách khái quát, FDI được nhận định có những đóng góp tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của nước nhận đầu tư, đặc biệt đối với các nước đang phát triển. Cụ thể, FDI cho phép chuyển giao công nghệ, đặc biệt là dưới dạng các loại vốn đầu vào mới, vốn không thể đạt được thông qua đầu tư tài chính hoặc thương mại hàng hóa và dịch vụ. FDI cũng có thể thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường đầu vào trong nước. Bên nhận FDI thường được đào tạo nhân viên trong quá trình vận hành doanh nghiệp mới, đóng góp trực tiếp vào phát triển nguồn nhân lực ở nước sở tại và lợi nhuận được tạo ra bởi FDI đóng góp vào thu nhập của người lao động cũng như doanh thu thuế ở nước sở tại (Javorcik và cộng sự, 2012; Abouelfarag & Abed, 2018; Yasin và cộng sự, 2022).

2.2. Tổng quan lý thuyết về quan hệ giữa FDI và thu nhập của người lao động địa phương

Khi nghiên cứu về mối quan hệ giữa FDI và thu nhập của người lao động tại nơi nhận đầu tư, các học giả đã phát triển một số quan điểm tiếp cận khác nhau. *Theo quan điểm tiếp cận năng suất lao động và hiệu ứng lan tỏa của FDI*, tác động của FDI đến thu nhập của người lao động, cụ thể là tiền lương, một cách trực tiếp và cả gián tiếp (Tintin, 2012). Cụ thể, các doanh nghiệp FDI, với lợi thế công nghệ, kinh nghiệm và nguồn lực nói chung tốt hơn, thường có năng suất lao động cao hơn. Vì tiền lương thực tế được xác định bằng năng suất biên lao động, do đó, bất kỳ sự gia tăng

nào trong tiền lương thực tế đều bắt nguồn từ việc tăng sản phẩm biên hay năng suất lao động. Nói cách khác, FDI dẫn đến tiền lương của người lao động trực tiếp tại các doanh nghiệp này cao hơn mặt bằng chung, ít nhất tại nơi nhận đầu tư.

FDI cũng có tác động gián tiếp đến thu nhập của người lao động địa phương thông qua lan tỏa công nghệ (Yasin và cộng sự, 2022). Điều này có thể được giải thích bởi thực tế là cùng với vốn nước ngoài, các doanh nghiệp FDI mang nhiều tài sản vô hình như kiến thức và kỹ năng tổ chức đến nền kinh tế và ngành kinh doanh địa phương. Các doanh nghiệp địa phương, thông qua giao dịch, luân chuyển lao động và cạnh tranh có thể học hỏi nhanh chóng và hưởng lợi từ việc phổ biến quy trình, công nghệ, cách thức quản lý mới của các doanh nghiệp FDI. Từ đó, góp phần tăng năng suất lao động của cả nền kinh tế địa phương, dẫn đến thu nhập bình quân của người lao động địa phương cũng tăng lên (Seguino, 2007).

Tiếp cận theo quan điểm thị trường lao động, các học giả cho rằng FDI có thể tác động đến thị trường lao động địa phương và tiếp theo đến thu nhập của người lao động (Abouelfarag & Abed, 2018). Khi xuất hiện các doanh nghiệp FDI trong nền kinh tế, nhu cầu lao động sẽ tăng lên, đồng thời cạnh tranh gia tăng đối với nguồn nhân lực, đặc biệt nhân lực chất lượng cao còn hạn chế, dẫn đến mức cân bằng tiền lương - nhu cầu lao động thay đổi, thường dẫn đến mặt bằng tiền lương tăng. Đặc biệt đối với nguồn nhân lực tay nghề cao, các doanh nghiệp FDI không chỉ thu hút, mà còn tìm cách giữ chân bằng các mức đãi ngộ cao hơn, nhằm duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời ngăn cản chuyển giao tri thức, công nghệ thông qua luân chuyển lao động đến các doanh nghiệp địa phương. Ở chiều ngược lại, các doanh nghiệp địa phương cũng

tham gia cạnh tranh nguồn nhân lực chất lượng cao bằng mức tiền lương cao hơn, nhằm thu hút các lao động có trình độ, có kinh nghiệm tại các doanh nghiệp FDI, để tăng cường học hỏi và phát triển hoạt động của mình, cạnh tranh không với các doanh nghiệp địa phương khác, mà cả các doanh nghiệp FDI. Do đó, một cách tổng thể, thu nhập bình quân của cả địa phương sẽ tăng khi có sự tham gia ngày càng nhiều của các doanh nghiệp FDI.

2.3. Tổng quan nghiên cứu và phát triển giả thuyết về tác động của FDI đến thu nhập của người lao động địa phương

Khi phân tích mối quan hệ giữa FDI và thu nhập của người lao động, nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã tìm ra tác động tích cực theo các quan điểm lý luận đã trình bày trên đây. Asli và cộng sự (2012), với mẫu các quốc gia Trung Đông và Bắc Phi, cho thấy FDI góp phần tăng năng suất lao động, từ đó ảnh hưởng tích cực đến mức lương của người lao động. Javorcik và cộng sự (2012) chỉ ra rằng FDI làm gia tăng khoảng cách tiền lương giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp địa phương, khiến cho các doanh nghiệp địa phương mất nguồn nhân lực lành nghề và làm tăng chi phí nhân sự.

Bircan (2013) cũng tìm ra các doanh nghiệp FDI có xu hướng trả lương cao hơn cho người lao động so với các doanh nghiệp địa phương, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Mức lương cao hơn này ở các doanh nghiệp FDI bắt nguồn từ năng suất lao động tại đây cao hơn nhờ chuyển giao các tài sản vô hình (như thương hiệu, kinh nghiệm, bí quyết...) và các tài sản hữu hình (vốn, máy móc...), thúc đẩy tăng sản phẩm cận biên của người lao động. Arnal & Hijzen (2008) cũng đồng thuận rằng: do các doanh nghiệp FDI trả lương cao hơn nên làm giảm nguồn cung lao động cho

các doanh nghiệp địa phương, dẫn đến làm tăng mức lương hay thu nhập của người lao động tại cả các doanh nghiệp địa phương.

Bên cạnh các nghiên cứu ủng hộ vai trò tích cực của FDI đến tiền lương hay thu nhập của người lao động, một số học giả lại tìm ra kết quả trái ngược. Majid (2004) nhận thấy ở các nền kinh tế phát triển, FDI có tác động tiêu cực đến tiền lương. Ở các nước đang phát triển, tác động tương tự cũng được phát hiện khi thị trường lao động ban đầu chịu sự điều chỉnh tiêu cực từ việc tăng vốn FDI nhưng tác động tiêu cực đó chỉ trong ngắn hạn. Chen và cộng sự (2011) tìm thấy bằng chứng về sự lan tỏa tiêu cực của FDI đối với tiền lương tại các doanh nghiệp địa phương Trung Quốc; cho thấy FDI không khuyến khích tăng trưởng tiền lương ở các doanh nghiệp địa phương. Ở Việt Nam, Nguyen và cộng sự (2019) chỉ ra rằng dòng vốn FDI gây áp lực làm giảm mức lương tại các doanh nghiệp địa phương; cụ thể FDI cứ tăng 1% sẽ làm giảm 2,03% mức tiền lương trong các doanh nghiệp địa phương.

Ở cấp độ địa phương cấp tỉnh/thành, số lượng các nghiên cứu còn hạn chế, nhưng đa phần đều tìm ra quan hệ cùng chiều giữa FDI và thu nhập của người lao động. Ramasamy & Yeung (2005) đánh giá tác động của FDI đến mức lương trên mẫu dữ liệu bảng tại 27 tỉnh của Trung Quốc trong giai đoạn 1985-2000. Kết quả chỉ ra rằng FDI có ảnh hưởng tích cực đến mức lương ở các địa phương Trung Quốc, đặc biệt là ở các tỉnh ven biển. Ge (2006) cũng tìm ra rằng FDI có tác động đáng kể và tích cực đến mức lương trung bình của các thành phố của Trung Quốc. Tương tự, Saucedo và cộng sự (2020) nghiên cứu thực nghiệm tại 32 địa phương México và tìm thấy quan hệ cùng chiều giữa FDI và tiền lương trong lĩnh vực sản xuất nhưng chỉ với lao động phổ

thông; vai trò của FDI là không đáng kể đối với tiền lương trong lĩnh vực dịch vụ và đối với lao động chất lượng cao.

Một cách khái quát, các nghiên cứu mối quan hệ giữa FDI và thu nhập của người lao động ở cấp độ quốc gia mặc dù đa phần ủng hộ tác động tích cực, nhưng cũng có một số tìm ra kết quả trái ngược. Trong khi, các nghiên cứu ở cấp độ địa phương các tỉnh/thành, tuy số lượng còn hạn chế, nhưng lại đều tìm ra tác động tích cực của FDI. Đây cũng chính là hướng nghiên cứu của bài viết và cũng đồng thuận về mối quan hệ cùng chiều giữa hai đại lượng này. Từ đó, bài viết đề xuất giả thuyết nghiên cứu tổng quát như sau: *FDI có tác động tích cực cùng chiều đến thu nhập bình quân người lao động địa phương tại các tỉnh/thành nhận đầu tư.*

3. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

Để kiểm định tác động của FDI đến thu nhập của người lao động địa phương, bài viết sử dụng phương pháp phân tích dữ liệu đó là phân tích hồi quy. Đây là kỹ thuật thống kê dùng để ước lượng phương trình phù hợp nhất với các tập hợp kết quả quan sát của biến phụ thuộc và biến độc lập; cho phép đạt được kết quả kiểm định có ý nghĩa thống kê về mối quan hệ giữa các biến số; làm cơ sở khoa học kiểm định giả thuyết nghiên cứu đã đề ra.

Từ tổng quan các nghiên cứu đã nêu, bài viết tổng hợp tập trung vào 8 biến độc lập liên quan đến các khía cạnh đóng góp khác nhau của FDI đối với nền kinh tế địa phương và biến phụ thuộc là thu nhập bình quân của người lao động địa phương. Cụ thể như sau:

Bảng 1: Thang đo các biến nghiên cứu

Tên biến	Ký hiệu	Đo lường
Số lượng dự án FDI lũy kế đang hoạt động trong tổng số doanh nghiệp tại địa phương	X1	$= \frac{\text{Số FDI lũy kế còn hoạt động ở địa phương}}{\text{Tổng số doanh nghiệp ở địa phương}}$
Quy mô vốn bình quân của doanh nghiệp FDI tại địa phương	X2	$= \frac{\text{Vốn FDI lũy kế còn hoạt động ở địa phương}}{\text{Số doanh nghiệp FDI ở địa phương}}$
Tỷ lệ giữa năng suất lao động (NSLĐ) của khối FDI so với NSLĐ của địa phương	X3	$= \frac{\text{NSLĐ của khu vực FDI}}{\text{NSLĐ địa phương}}$
Tỷ trọng số lao động trong khu vực FDI trong tổng số lao động tại địa phương;	X4	$= \frac{\text{Lao động khu vực FDI}}{\text{Tổng lao động trong DN}}$
Tỷ trọng doanh thu thuần của doanh nghiệp FDI trong tổng doanh thu thuần của toàn bộ doanh nghiệp đang hoạt động tại địa phương	X5	$= \frac{\text{Doanh thu thuần của DN FDI}}{\text{Doanh thu thuần các DN đang hoạt động}}$
Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản của các doanh nghiệp FDI đang hoạt động	X6	$= \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế của DN FDI}}{\text{Tổng tài sản của DN FDI}}$
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của các doanh nghiệp FDI đang hoạt động	X7	$= \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế của DN FDI}}{\text{Doanh thu các DN FDI}}$
Tỷ lệ đóng góp của khối FDI vào GDP của địa phương	X8	$= \frac{\text{GDP của khu vực FDI}}{\text{GDP địa phương}}$
Thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp	Y	= Tiền lương và các khoản thu tính bình quân người/tháng (Triệu VNĐ)

(Nguồn: Tác giả tổng hợp và phát triển)

Để kiểm định tác động của FDI đến thu nhập của người lao động ở cấp độ địa phương - tỉnh/thành Việt Nam, dữ liệu thống kê được thu thập theo niên giám thống kê các tỉnh/thành trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2021. Đây là nguồn dữ liệu được cung cấp bởi cơ quan quản lý nhà nước về các dữ liệu về kinh tế, tài chính, dân số... là nguồn dữ liệu thứ cấp, tuy nhiên các dữ liệu này vẫn đảm bảo độ tin cậy cao và có thể sử dụng được trong phân tích mô hình.

Dữ liệu sau thu thập được làm sạch và nhập số liệu vào phần mềm SPSS 25.0. Cụ thể, các năm dữ liệu của các tỉnh/thành không đầy đủ sẽ bị loại khỏi mẫu phân tích; cuối cùng còn lại số liệu của 60 tỉnh/thành, với tổng số lượng 408 năm quan sát trong giai đoạn 2010 - 2020.

Y: giá trị logarit của thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp tại địa phương;

X₁, ..., X₈: các biến độc lập về FDI địa phương;

ε: sai số.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng thu hút FDI và thu nhập của người lao động trong doanh nghiệp địa phương

Hình dưới biểu thị biến động vốn FDI và thu nhập bình quân tháng của người lao động cả nước trong giai đoạn 2010 - 2020. Ở cấp độ quốc gia, cùng với sự tăng trưởng đều qua các năm của vốn FDI đăng ký lũy kế còn hoạt động và số dự án FDI lũy kế còn hoạt động hàng năm, thu nhập bình quân tháng của người lao động tại Việt Nam

Bảng 2: Phân tích miêu tả các biến nghiên cứu

	N	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
X1	408	1	9.942	376,15	1141,72
X2	408	0,157	2.236,5	101,552	151,679
X3	408	0,000	72,148	10,676	14,496
X4	408	0,011	70,489	22,565	20,238
X5	408	0,005	87,117	18,636	21,127
X6	408	-1.731,2	186,134	6,453	90,383
X7	408	-225,968	65,744	-0,040	22,696
X8	408	0,153	0,432	0,379	5,116
Y	408	6,239	7,117	6,740	0,143

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Mô hình hồi quy được xây dựng có dạng như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 * X_1 + \beta_2 * X_2 + \beta_3 * X_3 + \beta_4 * X_4 + \beta_5 * X_5 + \beta_6 * X_6 + \beta_7 * X_7 + \beta_8 * X_8 + \epsilon$$

Trong đó:

β₀ đến β₇: các hệ số cần tìm;

cũng có bước tăng trưởng tương ứng. Cụ thể, năm 2010, tổng số dự án FDI và vốn đăng ký lũy kế còn hoạt động tại nước ta là 12.463 dự án tương ứng 194,6 tỷ USD; trong khi thu nhập bình quân người lao động trong doanh nghiệp là 4,124 triệu đồng. Đến năm 2020, cả nước có 33.062 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký đạt 386,2 tỷ USD

lũy kế còn hoạt động, tương đương mức tăng trưởng lần lượt là 165,3% và 98,46%; đồng thời thu nhập bình quân người lao động trong doanh nghiệp đạt 9,547 triệu đồng, tăng 131,5% so với mức năm 2010 (Tổng cục Thống kê, 2022).

Vũng Tàu, Hải Phòng, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Long An và Hà Tĩnh. Tổng vốn FDI đăng ký lũy kế còn hoạt động của 10 tỉnh thành này chiếm gần 50% cả nước với hơn 200.000 triệu USD với số dự án FDI lũy kế còn hoạt động chiếm 70% số dự



(Nguồn: Tổng cục Thống kê (2022))

Hình 1: Biến động vốn FDI và thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp giai đoạn 2010 - 2020

Như vậy, nhìn tổng thể ở cấp độ quốc gia, vốn FDI và thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng tỷ lệ thuận cùng chiều với nhau tại Việt Nam. Tiếp theo, bài viết đi sâu kiểm định giả thuyết nghiên cứu bằng phương pháp hồi quy với mẫu dữ liệu của các tỉnh/thành Việt Nam để khẳng định mối quan hệ này.

Khái quát số liệu thống kê các tỉnh cho thấy: tính đến 2021, 10 địa phương thu hút nhiều vốn FDI nhất xếp từ cao xuống thấp lần lượt là Hồ Chí Minh, Bình Dương, Hà Nội, Đồng Nai, Bà Rịa -

án FDI lũy kế còn hoạt động của cả nước (Tổng cục Thống kê, 2022).

Về thu nhập bình quân người lao động trong doanh nghiệp, Đồng Nai là tỉnh có mức thu nhập cao nhất cả nước với 11,895 triệu VND so với bình quân của cả nước là 9,547. Tiếp đến là Bà Rịa - Vũng Tàu với thu nhập bình quân tháng là 11,414 triệu VND. Đứng thứ 3 là Hà Nội với 10,986 triệu VND; rồi đến Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Bắc Ninh,... (Tổng cục Thống kê, 2022).

Bảng 3: 10 địa phương thu hút nhiều vốn FDI nhất giai đoạn tính đến 2021

STT	Địa phương	Tổng vốn FDI đăng ký lũy kế còn hoạt động (triệu USD)	Số dự án FDI lũy kế còn hoạt động (đơn vị)
1	Hồ Chí Minh	52.921,6	10.394
2	Bình Dương	37.791,6	4.022
3	Hà Nội	37.582,1	6.700
4	Đồng Nai	33.999,3	1.796
5	Bà Rịa - Vũng Tàu	33.014,4	517
6	Hải Phòng	23.609,1	897
7	Bắc Ninh	22.485,2	1.717
8	Thanh Hóa	14.715,3	168
9	Long An	12.270,7	1.253
10	Hà Tĩnh	11.739,2	79
	Cả nước	419.884,1	34.479

(Nguồn: Tổng cục Thống kê (2022))

Bảng 4: 10 địa phương có thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp năm 2020

STT	Tỉnh	Thu nhập bình quân (triệu VND)
1	Đồng Nai	11,895
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	11,414
3	Hà Nội	10,986
4	Hồ Chí Minh	10,883
5	Quảng Ninh	10,209
6	Bắc Ninh	10,128
7	Bình Dương	9,761
8	Tiền Giang	9,368
9	Thái Nguyên	9,252
10	Hải Phòng	9,214
	Cả nước	9,547

(Nguồn: Niên giám thống kê các tỉnh và Việt Nam 2021)

4.2. Kết quả phân tích định lượng và kiểm định giả thuyết

Kết quả phân tích hồi quy bằng phần mềm SPSS với 07 biến độc lập và 01 biến kiểm soát tăng trưởng kinh tế địa phương được trình bày trong bảng dưới đây. Với các giá trị thống kê $F = 27,126$ và $p \text{ (sig.)} = 0,000 < 0,05$ đảm bảo mô hình định lượng ý nghĩa. Các giá trị VIF đều nhỏ hơn 4, đảm bảo không tồn tại vấn đề đa cộng tuyến. Các chỉ số này khẳng định tính tin cậy của mô hình hồi quy và cho phép đánh giá tiếp chi tiết các biến nghiên cứu.

Kết quả này khẳng định lý luận theo quan điểm thị trường lao động, theo đó các dự án FDI xuất hiện tại địa phương sẽ khiến nhu cầu lao động sẽ càng tăng dẫn đến tình trạng khan hiếm lao động, đặc biệt là lao động có trình độ.

Thông qua sự tham gia trực tiếp vào hoạt động của các doanh nghiệp FDI, một đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật có trình độ cao, tay nghề cao, từng bước được hình thành và dần tiếp cận được với khoa học, kỹ thuật, công nghệ cao và có tác phong công nghiệp hiện đại, có kỷ luật lao động tốt, học hỏi được các phương thức, kinh

Bảng 5: Kết quả phân tích hồi quy

Biến số	Hệ số		Sig.	Đa cộng tuyến	
	β	Độ lệch chuẩn		Dung sai	VIF
(Constant)	0,332***	0,0583	0,000		
X1	0,066***	0,0158	0,000	0,828	1,207
X2	0,148**	0,0268	0,005	0,881	1,136
X3	0,720**	0,9781	0,001	0,234	4,281
X4	0,367**	0,0673	0,002	0,347	2,878
X5	-0,507*	0,0981	0,020	0,210	4,770
X6	0,204**	0,0858	0,004	0,810	1,234
X7	-0,459***	0,0901	0,000	0,797	1,254
X8	0,261***	0,0578	0,000	0,968	1,033

$R^2 = 0,683$; R^2 hiệu chỉnh = 0,692; $F = 25,228$; Sig. = 0,000.

Ghi chú: * $p < 0,05$; ** $p < 0,01$; *** $p < 0,001$

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Về tác động của số dự án FDI lũy kế còn hoạt động, kết quả hồi quy cho thấy biến X1 có tác động đáng kể tích cực hay đồng biến với biến Y thu nhập bình quân tháng của người lao động trong ở ngưỡng tin cậy 95% với các hệ số thống kê $\beta = 0,066$ & Sig. = 0,000 < 0,05. Điều này cho thấy địa phương càng thu hút được nhiều dự án FDI, thì thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp địa phương càng cao.

nghiệm quản lý tiên tiến. Một bộ phận lao động địa phương được tiếp nhận vào làm việc trong các doanh nghiệp FDI được bồi dưỡng, đào tạo tay nghề, ngoại ngữ, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước thay thế được các vị trí quan trọng, chủ chốt của doanh nghiệp. Đây cũng là một trong những yếu tố góp phần nâng cao thu nhập bình quân của người lao động.

Đồng thời, tình trạng này lan tỏa ra toàn thị trường lao động địa phương cạnh tranh gia tăng đối với nguồn lao động hạn chế dẫn đến tăng nhu cầu lao động. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ các ngành thâm dụng lao động tay nghề thấp sang các ngành sử dụng nhiều lao động chất lượng cao hơn được đẩy mạnh. Do đó, thu nhập bình quân người lao động người lao động càng cao.

Về tác động của quy mô vốn bình quân dự án FDI, kết quả hồi quy cho thấy biến X2 có tác động tiêu cực đến biến Y ở ngưỡng tin cậy 95% với các hệ số thống kê $\beta = 0,148$ & Sig. = $0,005 < 0,05$. Như vậy, quy mô vốn bình quân của dự án FDI càng tăng thì thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp tại các địa phương càng tăng. Đây là một kết quả đáng quan tâm khi thực tế dòng vốn FDI vào nước ta chủ yếu để tận dụng lao động giá rẻ, do đó, trong ngắn hạn có thể làm tăng thu nhập người lao động do tăng nhu cầu trên thị trường lao động.

Về vai trò của NSLĐ, kết quả hồi quy cho thấy biến X3 có tác động tích cực đến biến Y ở ngưỡng tin cậy 95% với các hệ số thống kê $\beta = 0,720$ & Sig. = $0,005 < 0,05$. Như vậy, NSLĐ của dự án FDI càng cao so với mặt bằng NSLĐ bình quân tại địa phương thì thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp tại các địa phương càng tăng. Đây là một kết quả phù hợp vì NSLĐ cao trong các doanh nghiệp FDI vừa tác động trực tiếp đến thu nhập người lao động trong doanh nghiệp FDI nói riêng, mà cả tác động lan tỏa đến các doanh nghiệp khác trong địa phương như lý luận đã phân tích.

Về tác động của số lượng người lao động trong các doanh nghiệp FDI, kết quả hồi quy cho thấy biến X4 có tác động đáng kể đến biến Y ở ngưỡng tin cậy 95% với các hệ số thống kê $\beta = 0,367$ & Sig. = $0,002 < 0,05$. Như vậy, số lượng

lao động trong các doanh nghiệp FDI tại địa phương có tác động tích cực đến thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp. Thực tế nhìn chung các dự án FDI thường trả mức thu nhập cho người lao động cao hơn, do đó có tác động trực tiếp và cả lan tỏa đến thu nhập bình quân người lao động tại các địa phương.

Về các chỉ số hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp FDI, kết quả hồi quy cho thấy các biến X5, X6 và X7 (tỷ trọng doanh thu thuần của doanh nghiệp FDI trong tổng doanh thu thuần của toàn bộ doanh nghiệp đang hoạt động tại địa phương, tỷ suất lợi nhuận trên tài sản của các doanh nghiệp FDI đang hoạt động và tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của các doanh nghiệp FDI đang hoạt động) đều có tác động đáng kể đến biến Y (thu nhập bình quân của người lao động) ở ngưỡng tin cậy 95% với các hệ số thống kê lần lượt $\beta = -0,507$ & Sig. = $0,020 < 0,05$; $\beta = 0,204$ & Sig. = $0,004 < 0,05$ và $\beta = -0,459$ & Sig. = $0,000 < 0,05$. Cả 3 tiêu chí này đều phản ánh kết quả hoạt động của các dự án FDI, trong đó mục đích trọng tâm của nhà đầu tư là tìm kiếm lợi nhuận mâu thuẫn với vấn đề trả lương cao. Vốn là một loại chi phí lớn trong vận hành doanh nghiệp, do đó dẫn đến không có tác động đáng kể rõ ràng đến thu nhập. Tác động tiêu cực của tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu phù hợp và thể hiện rõ nhất theo lý thuyết thương lượng tiền lương. Điều này có nghĩa là chủ sở hữu vốn đề cao quyền lực ngày càng tăng khi tham gia thị trường và dòng vốn FDI có tác động tiêu cực đến tiền lương ở tất cả các quốc gia. Từ đó, đòi hỏi thu nhập người lao động thấp để có lợi nhuận cao hơn.

Về đóng góp của khối FDI vào GDP địa phương, kết quả hồi quy cho thấy biến X8 có tác động tích cực đáng kể đến biến Y ở ngưỡng tin cậy 95% với các hệ số thống kê $\beta = 0,0027$ & Sig.

= 0,000 < 0,05. Như vậy, tỷ trọng đóng góp của khối FDI làm ra trong tổng GDP của địa phương càng cao thì thu nhập bình quân tháng của người lao động trong doanh nghiệp tại địa phương càng cao. Với những địa phương thu hút nhiều vốn FDI, sẽ tạo ra nhiều của cải vật chất cho nền kinh tế địa phương, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội dẫn đến thu nhập bình quân người lao động càng cao. Tác động lan tỏa của FDI được thể hiện qua quá trình chuyển giao công nghệ giúp phát triển bền vững, đặc biệt tạo nền tảng cho hoạt động chuyển giao, đổi mới công nghệ. Các doanh nghiệp FDI gia nhập vào khu vực địa phương, sẽ đi kèm kỹ năng công nghệ cao từ đó nâng cao trình độ của người lao động hơn so với các địa phương thu hút vốn đầu tư FDI kém. Dẫn đến mức lương bình quân của lao động làm việc trong khu vực doanh nghiệp có vốn FDI cao hơn so với trong khu vực nhà nước hoặc khu vực ngoài nhà nước.

5. Một số hàm ý rút ra

Tổng hợp trong 8 biến độc lập, có 6 biến có tác động dương tính, 2 biến có tác động âm tính, tổng hợp cả 8 biến cho phép rút ra kết luận chung: FDI có tác động trực tiếp đồng biến với thu nhập bình quân người trong doanh nghiệp tại các địa phương Việt Nam. Trong đó, các biến số lượng dự án FDI (X1), quy mô vốn bình quân một dự án FDI (X2) và tỷ lệ NSLĐ khối FDI so với NSLĐ của địa phương (X3) là các biến có cường độ đóng góp lớn nhất vào thu nhập bình quân của người lao động (Y); các biến còn lại về tỷ lệ lao động và hiệu quả tài chính FDI đều có tác động có ý nghĩa thống kê nhưng đóng góp vào thu nhập bình quân của người lao động trong doanh nghiệp là không lớn.

Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số khuyến nghị chính sách thu hút FDI đối với

các tỉnh/thành Việt Nam. *Thứ nhất*, cần khẳng định vai trò tích cực của FDI, có mặt của nguồn vốn FDI tại địa phương sẽ có tác động đến thị trường lao động, tăng năng suất lao động và tạo sức lan tỏa đến nền kinh tế địa phương. Do đó, các địa phương cần duy trì và liên tục thúc đẩy thu hút FDI vào địa phương mình, trước tiên là về số lượng dự án, quy mô vốn bình quân của dự án.

Thứ hai, song song với việc thu hút các dự án FDI có quy mô vốn lớn, các địa phương cần có các chính sách ưu đãi đặc biệt đối với các dự án FDI đang hoạt động, có đóng góp tạo ra của cải vật chất thể hiện qua đóng góp tích cực vào giá trị GDP địa phương. Ở đây, cần có sự tách biệt giữa các dự án có đóng góp vào GDP địa phương và vấn đề hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án FDI, là 2 nội dung không phải lúc nào cũng đi đôi cùng nhau. Do vấn đề hiệu quả của các dự án FDI phụ thuộc vào mục tiêu lợi nhuận của nhà đầu tư nước ngoài và liên quan đến các vấn đề thuế thu nhập doanh nghiệp, nên rất khó có thể kiểm soát và điều chỉnh bằng chính sách cụ thể. Nên các địa phương cần tập trung vào hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, hơn là vào hiệu quả hoạt động của từng dự án.

Thứ ba, nhằm tăng thu nhập bình quân của người lao động, cần có sự chọn lọc trong tiếp nhận các dự án FDI vào địa phương. Như kết quả nghiên cứu đã chứng minh tác động tiêu cực của tỷ trọng doanh thu và tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp FDI; đồng thời đề cao tác động tích cực của NSLĐ và tỷ trọng số lượng lao động trong khối FDI. Do đó, các địa phương cần có các chính sách tập trung thu hút các dự án FDI công nghệ cao, sử dụng lao động có tay nghề hơn là các dự án sử dụng công nghệ thấp và

trung bình mà thâm dụng lao động phổ thông. Cả lý luận và nghiên cứu thực nghiệm đều đồng thuận rằng, nguồn vốn FDI phải hướng đến cải thiện và nâng cao năng suất lao động, từ đó mới có tác động cả trực tiếp và lan tỏa ra toàn bộ nền kinh tế địa phương.

Bên cạnh những đóng góp từ kết quả nghiên cứu và hàm ý chính sách, bài viết cũng còn một số hạn chế về quy mô dữ liệu trong giai đoạn 2010 - 2020, về phương pháp nghiên cứu hồi quy tuyến tính hay giới hạn trong quy mô các tỉnh/thành Việt Nam. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng và chuyên sâu về quy mô mẫu nghiên cứu, đa dạng hóa về địa phương các quốc gia khác nhau; hay sử dụng các phương pháp phân tích chuỗi thời gian và dữ liệu bảng hiện đại hơn để khẳng định mối quan hệ giữa FDI và thu nhập bình quân của người lao động trong doanh nghiệp tại các địa phương. ◆

Tài liệu tham khảo:

- Abouelfarag, H. A., & Abed, M. S. (2018). The impact of foreign direct investment on the labor market in Egypt: A Sectoral Empirical Analysis. *Topics in Middle Eastern and African Economies Proceedings of Middle East Economic Association*, 20(2), 70-89.
- Arnal, E., & Hijzen, A. (2008). *The Impact of Foreign Direct Investment on Wages and Working conditions* (Issue June). Report presented at the OECD-ILO Conference on Corporate Social Responsibility, Paris.
- Asli, A. R. D., Behname, M., & Noormohamadi, K. (2012). Foreign Direct Investment Effect on Urban Wages in MENA Countries. *Advances in Management & Applied Economics*, 2(3), 33-39.
- Bircan, C. (2013). Foreign Direct Investment and Wages: Does the Level of Ownership Matter? *SSRN Electronic Journal*, 157. <https://doi.org/10.2139/ssrn.2332169>.
- Chen, Z., Ge, Y., & Lai, H. (2011). Foreign direct investment and wage inequality: Evidence from China. *World Development*, 39(8), 1322-1332. <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2010.12.006>.
- Ge, Y. (2006). The effect of foreign direct investment on the urban wage in China: An empirical examination. *Urban Studies*, 43(9), 1439-1450. <https://doi.org/10.1080/00420980600831627>.
- IMF. (1993). Balance of Payments Manual. In *International Monetary Fund*. International Monetary Fund. <https://doi.org/10.2307/2549626>.
- Javorcik, B., Fitriani, F., Iacovone, L., Varela, G., & Duggan, V. (2012). Productivity Performance in Indonesia's Manufacturing Sector. *Productivity Performance in Indonesia's Manufacturing Sector*. <https://doi.org/10.1596/26715>.
- Li, C., & Tanna, S. (2018). FDI Spillover Effects in China's Manufacturing Sector: New Evidence From Forward and Backward Linkages. In *Advances in Panel Data Analysis in Applied Economic Research* (pp. 203-222). Springer, Cham. https://doi.org/10.1007/978-3-319-70055-7_15.
- Majid, N. (2004). *What is the effect of trade openness on wages ?* (No. 2004-18). International Labor Office.
- Nguyen, D. T. H., Sun, S., & Beg, A. B. M. R. A. (2019). How does FDI affect domestic firms' wages? theory and evidence from Vietnam.

Applied Economics, 51(49), 5311–5327. <https://doi.org/10.1080/00036846.2019.1610717>.

OECD. (1996). *Benchmark Definition of Foreign Direct Investment* (3rd Editio). Organisation for Economic Cooperation and Development.

Ramasamy, B., & Yeung, M. (2005). The Dynamic Relationship between FDI and Wages: Evidence from the People's Republic of China. *Journal of International Business and Economy*, 6(1), 23–42. <https://doi.org/10.51240/jibe.2005.1.2>.

Saucedo, E., Ozuna, T., & Zamora, H. (2020). The effect of FDI on low and high-skilled employment and wages in Mexico: a study for the manufacture and service sectors. *Journal for Labour Market Research*, 54(1). <https://doi.org/10.1186/s12651-020-00273-x>.

Seguino, S. (2007). Is more mobility good?. Firm mobility and the low wage-low productivity trap. *Structural Change and Economic Dynamics*, 18(1), 27–51. <https://doi.org/10.1016/j.strueco.2005.10.002>.

Tintin, C. (2012). Foreign Direct Investment , Labor Income and Inequality : Evidence from OECD Countries. *Journal of Economics and Finance Studies*, 4(1), 51-60.

Tổng cục Thống kê. (2022). *Niên giám thống kê - The Statistical Yearbook 2021*. NXB Thống kê.

UNCTAD. (1999). World Investment Report 1999: Foreign Direct Investment and the Challenge of Development. In *Journal of Government Information* (Vol. 28, Issue 2). United Nations Conference on Trade and Development. [https://doi.org/10.1016/s1352-0237\(01\)00279-9](https://doi.org/10.1016/s1352-0237(01)00279-9).

Yasin, M. Z., Esquivias, M. A., & Arifin, N. (2022). Foreign Direct Investment and Wage Spillovers in the Indonesian Manufacturing Industry. *Buletin Ekonomi Moneter Dan Perbankan*, 25, 125–160. <https://doi.org/10.21098/bemp.v25i0.1821>.

Summary

The article studies the impact of foreign direct investment (FDI) on the average monthly income of employees in Vietnamese enterprises. Analyzing the sample of 60 provinces in the period 2010 - 2021, the study shows that (i) the accumulated number of active FDI projects, (ii) ratio of labor productivity in FDI sector on the one of province, (iii) the average capital size of FDI project have highest positive impacts; in contrast, the ratio of FDI revenue on business revenue of province, the ratio of profit on revenue of FDI project have negative impacts on the average monthly income of employees in enterprises. On the basis of the research findings, we propose some recommendations for provinces in order to attract high-quality FDI for improving the GDP as well as the incomes of local employees in enterprises at provinces.